

Số: 29/CLM-TCHC

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

V/v: Công bố thông tin

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

- Mã chứng khoán: CLM

- Trụ sở chính: Số 47 Quang Trung - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 39 424 634 Fax: 024. 39 422 350

- Email: coalimex@fpt.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- Mức chi cổ tức năm 2022: 30%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 3.000 đồng) và hình thức chi trả cổ tức bằng tiền.

- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2023 bằng tiền: Ngày 17/5/2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/4/2023: www.coalimex.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phạm Minh

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 (NĂM TÀI CHÍNH 2022)
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than- Vinacomin;
- Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than- Vinacomin ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Đại hội đã thảo luận thông qua và quyết nghị:

1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán) trình bày tại cuộc họp. Nội dung báo cáo kèm theo Nghị quyết.
2. Thông qua điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2021 và phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty. Nội dung báo cáo kèm theo Nghị quyết.
3. Thông qua mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông năm 2022 là 30% trên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Hình thức chi trả bằng tiền.
4. Thông qua việc chi trả thù lao các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2022 và kế hoạch thù lao năm tài chính 2023 như Tờ trình số 14/TTr- HĐQT ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị. Nội dung Tờ trình kèm theo Nghị quyết.
5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và chủ trương nghiên cứu đầu tư theo đề xuất của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trình bày tại Đại hội. Cụ thể:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.492,90
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	40,20
3	Thu nhập tiền lương b/q	tr.đ/ng/th	23,11
4	Dự kiến cổ tức		Tối thiểu 9%

- Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với cuộc họp ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

- Giao Giám đốc Công ty nghiên cứu chủ trương đầu tư cho các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư theo Điều lệ của Công ty.

6. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm tài chính 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị này để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam,
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

7. Thông qua chủ trương miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Hải (do TKV không cử làm người đại diện của TKV tại Công ty) và kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đối với ông Trần Xuân Hòa (sinh ngày 23/5/1954) như Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty. Nội dung tờ trình kèm theo Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Than- Vinacomin thông qua ngay tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UB CKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN (HNX);
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu TKCT. *mlc*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Trọng Hùng



Số: 01/BB-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
(NĂM TÀI CHÍNH 2022) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN –
VINACOMIN**

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin.
- Địa chỉ: 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Đăng ký kinh doanh: Số 0100100304 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 27/7/2022 (đăng ký thay đổi lần thứ 17).
- Thời gian họp: Bắt đầu hồi 9h00 ngày 28/4/2023;
Kết thúc hồi 11h30 ngày 28/4/2023;
- Địa điểm họp: Hội trường Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin, địa chỉ: 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Chủ tọa cuộc họp: Ông Nguyễn Trọng Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Ông Phạm Minh – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty (tham gia chủ tọa);
- Thư ký cuộc họp: Bà Phạm Mai Lan – Thư ký công ty;
- Khách mời cuộc họp: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Phó Giám đốc Công ty TNHH PKF Việt Nam;
Các Ông, Bà trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.
- Tổng số cổ đông: 174 cổ đông, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 (năm tài chính 2022).
- Vốn điều lệ: 110 tỷ đồng

Số lượng cổ phần: 11 triệu cổ phần
Số cổ đông dự họp: 24 cổ đông dự họp, đại diện cho 10.238.523 cổ phần bằng 93,08 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Danh sách cổ đông dự họp có Phụ lục kèm theo.

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

I. Thủ tục khai mạc cuộc họp:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông được thành lập theo Quyết định số 42/QĐ-CLM ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Công ty về việc cử thành viên tham gia Ban thẩm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra tính hợp lệ, sự có mặt của cổ đông tham dự cuộc họp.

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó Giám đốc Công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự và giới thiệu chủ tọa cuộc họp là Ông Nguyễn Trọng Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và đồng chủ tọa là Ông Phạm Minh – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Bà Phạm Mai Lan được cổ đông thông qua làm Thư ký cuộc họp.

- Ông Nguyễn Trọng Hùng, Chủ tọa cuộc họp thông qua công bố chương trình nghị sự. Cuộc họp thống nhất chương trình nghị sự.

- Bà Lê Thị Thu Trang – Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.

II. Các báo cáo trình bày tại cuộc họp:

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân - Trưởng phòng Kế toán – Tài chính trình bày Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2022; Báo cáo về điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty; Báo cáo về thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023.

- Ông Phạm Minh – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Giám đốc Công ty về thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Ông Nguyễn Mạnh Điệp – Ủy viên HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá các mặt hoạt động của Công ty năm 2022, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, các đề nghị của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Bà Bùi Thị Minh Thư – Ủy viên Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát và Báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính 2022; Đề nghị đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;

III. Các phát biểu tại cuộc họp:

- Không có cổ đông tham gia phát biểu và đóng góp ý kiến.

IV. Những nội dung biểu quyết thông qua

1. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:

Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

2. Thông qua điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2021 và phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:

Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

3. Thông qua mức cổ tức năm 2022 là 30 % vốn điều lệ của Công ty. Hình thức chi trả cổ tức bằng tiền.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:

Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

4. Thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2022 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2023 như Tờ trình số 14/TTr- HĐQT ngày 07/4/2023 của HĐQT tại cuộc họp.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:

Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

5. Thông qua kế hoạch sản xuất năm 2023 và chủ trương nghiên cứu đầu tư của Công ty như Báo cáo của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trình bày tại cuộc họp. Cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.492,90
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	40,20
3	Thu nhập tiền lương b/q	tr.đ/ng/th	23,11
4	Dự kiến cổ tức		Tối thiểu 9%

Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với cuộc họp ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

- Giao Giám đốc Công ty nghiên cứu chủ trương đầu tư cho các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư theo Điều lệ của Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:
Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

6. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị này để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam,
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:
Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

7. Thông qua chủ trương miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Hải (do TKV không cử làm người đại diện của TKV tại Công ty) và kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đối với ông Trần Xuân Hòa (sinh ngày 23/5/1954) như Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.238.523 phiếu (24 cổ đông; 93,08%) trong đó:
Tán thành: 10.238.523 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,
Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

V. Thủ tục bế mạc cuộc họp

- Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết để cuộc họp thông qua.
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết ngay tại cuộc họp.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Phạm Mai Lan

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Nguyễn Trọng Hùng

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2023**

Số tt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	6.105.348	55,50%	
2	Nguyễn Mạnh Diệp	26.621	0,24%	
3	Trần Xuân Hòa	59.744	0,54%	
4	Phạm Minh	380.529	3,46%	
5	Nguyễn Văn Cứ	682.560	6,21%	
6	Lê Thị Thu Trang	380.858	3,46%	
7	Bùi Thị Minh Thư	513.374	4,67%	
8	Nguyễn Thị Hồng Diệp	89.821	0,82%	
9	Đỗ Quyết Tiên	21.404	0,19%	
10	Đỗ Thu Hồng	152.023	1,38%	
11	Nguyễn Thị Kim Oanh	11.404	0,10%	
12	Đào Xuân Việt	123.431	1,12%	
13	Ngô Văn Ca	138.446	1,26%	
14	Nguyễn Anh Tuấn	153.477	1,40%	
15	Cao Văn Hồng	28.495	0,26%	
16	Nguyễn An Sơn	17.923	0,16%	
17	Nguyễn Hoàng Tiến	26.105	0,24%	
18	Nguyễn Phương Thảo	59.744	0,54%	
19	Nguyễn Thanh Hương	656.412	5,97%	
20	Phạm Hồng Khanh	393.144	3,57%	
21	Phạm Thị Thảo	11.015	0,10%	
22	Trịnh Nam Hải	39.848	0,36%	
23	Đào Thị Tuyết Giang	59.026	0,54%	
24	Đỗ Duy Long	107.771	0,98%	
24	Tổng cộng:	10.238.523	93,08%	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 TÓM TẮT
VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022**

1	Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CP XNK THAN - VINACOMIN		
2	Giấy đăng ký doanh nghiệp	Số 0100100304, thay đổi lần thứ 17 ngày 27/07/2022		
3	Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh xuất nhập khẩu; Chế biến than; Cung ứng vật tư; Xuất khẩu lao động; kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê...		
4	Địa chỉ, điện thoại, fax	47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 3 9423166 Fax: 024 3 9422350		
5	Vốn điều lệ	110.000,00	Tr.đồng	
	<i>Trong đó: Vốn Nhà nước</i>	60.953,48	Tr.đồng	
	<i>Vốn các cổ đông khác</i>	49.046,52	Tr.đồng	

Phần I: Kết quả kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng				
	- SL than xuất khẩu uỷ thác	Tấn	300.000	238.488	79%
	- SL than nhập khẩu	Tấn	1.500.000	2.046.766	136%
	- SL than pha trộn	Tấn	600.000	815.616	136%
	- SL than kinh doanh nội địa	Tấn	570.000	500.145	88%
	- SL than giao nhận	Tấn	4.500.000	5.208.205	116%
2	Tổng kim ngạch XNK hàng hóa	USD	192.500.000	490.570.769	255%
	- Xuất khẩu than	USD	34.500.000	82.208.428	238%
	- Xuất khẩu khác	USD	-	-	
	- Nhập khẩu than	USD	150.000.000	399.238.085	266%
	- Nhập khẩu VTTB	USD	8.000.000	9.124.256	114%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	5.500.000	13.277.541	241%
4	Giá trị sản xuất tính lương sau khi loại trừ yếu tố đột biến	Tr.đồng	155.000	195.000	126%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	36.000	425.475	1182%
6	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	35.979	42.962	119%
	- Theo đơn giá	Tr.đồng	33.940	41.041	121%
	- Quỹ lương cán bộ quản lý	Tr.đồng	2.039	1.921	94%
7	Tiền lương bình quân	ng.h.đồng/ng/tháng	18.740	23.298	124%
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	Tối thiểu 9%	30% (dự kiến)	

✍

Phần II: Số liệu báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2022)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2022) (*)
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	877.721.871.247	701.242.718.630
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110- BCĐKT	65.142.137.991	25.288.857.562
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120- BCĐKT	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130- BCĐKT	126.538.605.758	471.585.286.387
	- Phải thu của khách hàng	131-BCĐKT	96.474.834.347	430.670.883.764
	- Trả trước cho người bán	132-BCĐKT	31.999.768.530	8.860.654.179
	- Phải thu nội bộ	133-BCĐKT	-	-
	- Các khoản phải thu khác	136-BCĐKT	1.765.910.101	35.642.919.964
	- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(3.701.907.220)	(3.589.171.520)
	- Tài sản thiếu chờ xử lý	139-BCĐKT	-	-
4	Hàng tồn kho	140- BCĐKT	670.265.319.826	196.713.850.119
	- Hàng tồn kho	141- BCĐKT	671.836.541.623	198.285.071.916
	- Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	149-BCĐKT	(1.571.221.797)	(1.571.221.797)
5	Tài sản ngắn hạn khác	150- BCĐKT	15.775.807.672	7.654.724.562
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	151-BCĐKT	464.135.128	3.978.816.695
	- Thuế GTGT được khấu trừ	152-BCĐKT	15.242.437.670	3.565.049.875
	- Các khoản Thuế phải thu	153-BCĐKT	69.234.874	110.857.992
	- Tài sản ngắn hạn khác	158-BCĐKT	-	-
II	Tài sản dài hạn	200- BCĐKT	78.053.867.120	87.235.446.302
1	Các khoản phải thu dài hạn	210- BCĐKT	3.349.471.000	2.849.471.000
	- Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
	- Phải thu nội bộ dài hạn	212-BCĐKT		
	- Phải thu dài hạn khác	216-BCĐKT	3.349.471.000	2.849.471.000
2	Tài sản cố định	220- BCĐKT	-	145.213.259
	- Tài sản cố định hữu hình (GTCL)	221- BCĐKT	-	145.213.259
	+ Nguyên giá	222- BCĐKT	15.988.081.771	15.988.081.771
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	223- BCĐKT	(15.988.081.771)	(15.842.868.512)
	- Tài sản cố định thuê tài chính (GTCL)	224- BCĐKT		
	- Tài sản cố định vô hình (GTCL)	227- BCĐKT		
3	Bất động sản đầu tư	230- BCĐKT	74.704.396.120	80.675.343.290
	+ Nguyên giá	231- BCĐKT	134.772.018.652	134.772.018.652
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	232- BCĐKT	(60.067.622.532)	(54.096.675.362)
4	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250- BCĐKT	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	260- BCĐKT	-	3.565.418.753
	Giá trị thực tế của doanh nghiệp (I+II)	270-BCĐKT	955.775.738.367	788.478.164.932

(*) Số liệu được hồi tố theo kiến nghị KTNN

X

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2022)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2022) (*)
III	Nợ phải trả	300- BCĐKT	446.522.928.290	591.323.795.945
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	441.467.620.014	587.651.011.188
-	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	117.542.755.174	243.006.859.020
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312-BCĐKT	54.727.897.383	45.430.193.470
-	Thuế và các khoản phải nộp NN	313-BCĐKT	16.137.057.110	2.291.537.747
-	Phải trả người lao động	314-BCĐKT	11.540.019.732	8.819.190.119
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	2.803.579.179	2.561.763.689
-	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316-BCĐKT	-	-
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318-BCĐKT	2.206.953.267	1.441.236.361
-	Các khoản phải trả phải nộp khác	319-BCĐKT	49.747.841.687	51.695.734.243
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	178.186.857.156	222.281.718.952
-	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321-BCĐKT	7.523.183.250	8.345.701.511
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	1.051.476.076	1.777.076.076
2	Nợ dài hạn	330- BCĐKT	5.055.308.276	3.672.784.757
-	Phải trả dài hạn khác	337-BCĐKT	5.055.308.276	3.672.784.757
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338-BCĐKT	-	-
IV	Vốn chủ sở hữu	400- BCĐKT	509.252.810.077	197.154.368.987
1	Vốn chủ sở hữu	410- BCĐKT	509.252.810.077	197.154.368.987
	- Trong đó: Vốn đầu tư cổ đông	411- BCĐKT	110.000.000.000	110.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	412- BCĐKT	4.122.208.000	4.122.208.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	414- BCĐKT	6.487.530.434	6.487.530.434
	Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	34.745.724.207	32.375.724.207
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	353.897.347.436	44.168.906.346
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430- BCĐKT	-	-

(*) Số liệu được hồi tố theo kiến nghị KTNN

Tổng nợ phải thu tại 31/12/2022: 129.888.076.758 đồng

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2022: 446.522.928.290 đồng

Phần III: Cơ cấu tài sản - Cơ cấu vốn - Chỉ tiêu tài chính

STT	Nội dung	Cuối năm (31/12/2022)	Đầu năm (01/01/2022)
I	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	8,17%	11,06%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,83%	88,94%
II	Cơ cấu vốn		
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	53,28%	25,00%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	46,72%	75,00%
III	Đánh giá năng lực tài chính		
	Khả năng thanh toán tạm thời = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,99 lần	1,19 lần
	Khả năng thanh toán dài hạn = Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	2,14 lần	1,33 lần
IV	Tỷ suất sinh lời		
	Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng doanh thu	2,55%	1,13%
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	35,45%	3,88%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	67,95%	16,38%

(Handwritten mark)

Phần IV: Phương án Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2022

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022:		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	đồng	425.474.722.735
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2022	đồng	86.640.481.645
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	đồng	338.834.241.090
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	đồng	15.063.106.346
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	353.897.347.436
6	Trả cổ tức (dự kiến 30% vốn điều lệ)	đồng	33.000.000.000
7	Trích lập các quỹ:	đồng	112.631.000.000
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế năm 2022)	đồng	101.650.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (03 tháng lương bình quân)	đồng	10.741.000.000
	- Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành (1,5 tháng lương VCQL)	đồng	240.000.000
8	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay	đồng	208.266.347.436
II	Phương án trả cổ tức năm 2022:		
	Số tiền trả cổ tức	đồng	33.000.000.000
	Trong đó:		
	- Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 30% vốn điều lệ)	đồng	33.000.000.000
	- Trả cổ tức bằng hình thức khác	đồng	-

Phần V: Điều chỉnh Phân phối lợi nhuận năm 2021 (Chỉ tiêu Quỹ thưởng BQL điều hành):

Chỉ tiêu	ĐVT	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	Ghi chú
Số đã duyệt tại ĐHCĐ 2022	đồng	265.000.000	Tương đương 1,5 tháng lương CBQL bình quân năm 2021
Số điều chỉnh (giảm)	đồng	(88.200.000)	
Số sau điều chỉnh	đồng	176.800.000	Tương đương 01 tháng lương CBQL bình quân năm 2021

- Lý do: Điều chỉnh do năm 2021 doanh nghiệp xếp loại B theo Quyết định số 895/QĐ-TKV ngày 03/06/2022, mức trích lập tối đa bằng 1 tháng lương CBQL. *A*

Trưởng Phòng Kế toán tài chính



Nguyễn Thị Quỳnh Ngân

Số: 14/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm tài chính 2022 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS), người quản lý chuyên trách khác của Công ty năm tài chính 2022 và đề xuất thù lao năm tài chính 2023, cụ thể như sau:

1. Thực hiện năm 2022:

1.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS:

a) Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người	Số tiền (Triệu đồng/năm)	Số người (bình quân)	Số tiền (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	1	61,68	1	61,68
2	Thành viên HĐQT	4	210,24	3,58	188,34
3	Trưởng ban KS			0,75	41,22
4	Thành viên BKS	2	105,12	2	105,12
	Tổng cộng	7	377,04	7,33	396,36

b) Thù lao thành viên HĐQT độc lập:

Stt	Chức danh	Số người	Số tháng	Số tiền (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT	1	1	21,90

1.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Kế hoạch			Thực hiện		
		Số người	Bình quân (Triệu đồng/tháng)	Tổng quỹ tiền lương (Triệu đồng/năm)	Số người (bình quân)	Bình quân (Triệu đồng/tháng)	Tổng cộng tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Giám đốc	1	37,08	445,00	1	44,50	534,00
2	Trưởng ban KS	1	34,34	412,10	0,33	41,16	164,67
3	Phó giám đốc	3	32,86	1.182,90	2,58	39,48	1.222,33
	Tổng cộng	5		2.040,00	3,92		1.921,00

2. Kế hoạch năm 2023:

2.1. Thù lao thành viên HĐQT và BKS:

a) Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh	Tiền lương tháng (Triệu đồng/tháng)	Số người	Tỷ lệ chi tối đa	Thù lao tháng (Triệu đồng/tháng/người)	Kế hoạch (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	25,70	1	20%	5,14	61,68
2	Thành viên HĐQT	21,90	3	20%	4,38	157,68
3	Trưởng ban KS	22,90	1	20%	4,58	54,96
4	Thành viên BKS	21,90	2	20%	4,38	105,12
	Tổng cộng		7			379,44

b) Thù lao thành viên HĐQT độc lập:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	Tổng thù lao (Triệu đồng/năm)
1	Thành viên HĐQT độc lập	1	21,90	262,80

Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS được tính theo công việc, được trả tối đa bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách tương đương.

Phương thức chi: Hàng tháng tạm ứng 80% mức thù lao được chi, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Ghi chú: Mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách vận dụng theo Phụ lục 04-Doanh nghiệp hạng I nhóm II, ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV).

2.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	Tổng quỹ tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Giám đốc	1	37,08	445
2	Phó giám đốc	2	32,83	788
	Tổng cộng	3		1.233

Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách tính theo số lượng người và thời gian làm việc thực tế trong năm.

Trong trường hợp có sự thay đổi về số lượng Người quản lý chuyên trách và các quy định liên quan đến chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm đối với Người quản lý của Công ty thì HĐQT sẽ ủy quyền HĐQT quyết định và báo cáo lại HĐQT thường niên kỳ họp sau.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH ✓



Nguyễn Trọng Hùng

Số: 15 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 1158/QĐ-TKV ngày 21/7/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc điều động ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty về làm việc tại TKV và không cử làm người đại diện TKV tại Công ty, kể từ ngày 01/8/2022.

Để kiện toàn cơ cấu HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty kể từ ngày 01/12/2022.

Mức thù lao hằng tháng: 21,9 triệu đồng. Phương thức chi trả thực hiện theo quy định của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

(Áp dụng Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 và Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 và các hướng dẫn thực hiện của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.)

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Điều lệ của Công ty, tại ĐHĐCĐ 2023, Công ty hoàn thiện thủ tục miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Hải và kiện toàn, bổ sung thành viên HĐQT độc lập đối với ông Trần Xuân Hoà theo quy định.

(Kèm theo Thông tin cá nhân ông Trần Xuân Hoà)

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: **TRẦN XUÂN HÒA**
2. Ngày tháng năm sinh: 23/05/1954
3. Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế mỏ - ĐH mỏ Moskva (Liên bang Nga)
4. Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Nga, Tiếng Anh
5. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
09/1977 - 05/1989	Chuyên viên Vụ TCCB- LĐTL Bộ điện và than (nay là Bộ Công thương)
06/1989 - 04/1992	Nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại Trường ĐH mỏ Moskva
05/1992 - 08/1994	Chuyên viên Vụ TCCB-LĐTL Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương)
09/1994 - 04/1996	Phó giám đốc Công ty XNK và Cung ứng vật tư (Coalimex)
05/1996 - 12/1999	Giám đốc Công ty XNK và Hợp tác quốc tế (Coalimex)
01/2000 - 09/2002	Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam
10/2002 - 01/2006	Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam
02/2006 - 03/2007	Ủy viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, trực tiếp giữ chức Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản- TKV.
04/2007 - 05/2007	Ủy viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam
06/2007 - 3/2011	Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam
24/02/2011 - 5/2014	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam Từ tháng 5/2011- 2014 là Đại biểu Quốc hội khóa XIII; Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung Ương
Từ 06/2014 đến nay	Nghỉ chế độ hưu trí; Thành viên HĐQT Coalimex từ tháng 12/2022

6. Các Công ty đang giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức vụ quản lý khác: Không


7. Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 59.744 cổ phần, chiếm 0,54 % vốn điều lệ.

8. Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có): Không

Tôi cam đoan những thông tin đã cung cấp là trung thực, chính xác và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được làm thành viên HĐQT Công ty.

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI KHAI



Trần Xuân Hòa